ISSN 1859-3666

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

1. Trần Việt Thảo và Vũ Thị Thanh Huyền - Tác động liên kết của phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19: tiếp cận theo phương pháp bảng cân đối liên ngành, ***Mã số: 149+150.1 DEco.11*** 3

The Impacts of Linkages in the Development of Vietnam's Supporting Industries in the Context of the Covid-19: Inter-Sector Balance Sheet Approach

2. Phan Thị Thu Hiền và Bùi Thái Quang - Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam. ***Mã số: 149+150.1IIEM.12*** 14

A Study on the Factors Affecting Goods Import-Export Law Compliance by Vietnamese Enterprises

3. Phạm Lê Hồng Nhung, Nguyễn Nhật Minh, Nguyễn Thị Tú Trinh và Đinh Công Thành - Phát triển du lịch cụm Cần Thơ - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau theo hướng liên kết mạng lưới các điểm du lịch. ***Mã số: 149+150.1TrEM.11*** 25

Tourism development in association of tourist attractions in Can Tho- Soc Trang- Bac Lieu-Ca Mau

4. Lê Thanh Huyền - Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp niêm yết ngành sản xuất, chế biến thực phẩm ở Việt Nam. ***Mã số: 149+150.1FiBa.11*** 35

The effects of internal factors on profitability of various listed companies in Vietnamese food processing industry

QUẢN TRỊ KINH DOANH

5. Lê Đình Nghi - Mối quan hệ giữa suất sinh lợi, độ biến thiên và khối lượng giao dịch tại thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. ***Mã số: 149+150.2FiBa.21*** 43

The Relationship among Return, Volatility, and Trade Volume on Hochiminh City Stock Exchange (HOSE)

6. Đào Tuyết Lan - Hiệu quả áp dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM. ***Mã số: 149+150.2 BAcc.22*** 50

The Efficiency of Corporate Income Tax (CIT) Accounting Standards in Enterprises in Ho Chi Minh

7. Ngô Thị Khuê Thư, Trương Bá Thanh và Trần Triệu Khải - Ảnh hưởng của chất lượng tích hợp kênh đến lòng trung thành khách hàng trong ngành khách sạn ở Việt Nam. ***Mã số: 149+150.2BMkt.21*** 63

The Effect of Multi-channel Integration Quality on Customer Loyalty in the Hotel Industry in Vietnam

8. Nguyễn Thị Phương Anh và Vũ Huy Thông - Hành vi mua ngẫu hứng của người tiêu dùng Việt Nam theo độ tuổi, thu nhập và nghề nghiệp: Nghiên cứu sản phẩm quần áo may sẵn. ***Mã số: 149+150.2BMkt.22*** 76

Impulse Buying Behaviour of Vietnamese Consumers by Age, Income, and Profession: Case Study on Ready-to-Wear Clothing Products

9. Nguyễn Thị Thanh Nhàn và Vũ Tuấn Dương - Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên với chương trình đào tạo đặc thù ngành du lịch. ***Mã số: 149+150.2OMIS.21*** 82

Study on Student Satisfaction with the Tourism -Specific Training Program

10. Vũ Thị Kim Anh - Phương pháp tiếp cận kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro trong doanh nghiệp: nghiên cứu tại các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản Việt Nam. ***Mã số: 149+150.2DEco.21*** 93

Risk-Based Internal Audit in Enterprises: Case Study in Vietnamese Real Estate Businesses

11. Nguyễn Tuấn Kiệt và Hồ Hữu Phương Chi - Thái độ đối với rủi ro của nông dân Đồng bằng Sông Cửu Long: Bằng chứng thực nghiệm với thang đo DOSPERT. Mã số: 149+150.2 104

The Attitudes toward Risks of Framers in Mekong Delta: Experimental Evidence with DOSPERT

12. Hà Minh Hiếu - Nghiên cứu yếu tố tác động đến việc lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ logistics của chủ hàng Việt Nam trong thời kỳ đại dịch Covid-19. ***Mã số: 149+150.2BMkt.21*** 115

A Study on Factors Affecting the Choice of Logistics Service Suppliers of Vietnam's Goods Owners in the Covid-19 Pandemic

13. Nguyễn Trần Hưng và Đỗ Thị Thu Hiền - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ứng dụng du lịch thông minh của du khách đến Hà Nội. ***Mã số: 149+150.2TRMg.21*** 123

A Study on the Factors Affecting the Decision to Use Smart Travel Apps by Visitors to Hanoi

14. Nguyễn Hữu Khôi, Nguyễn Thị Nga và Bùi Hoàng Ngọc - Mối quan hệ giữa tính "sành điệu" của sản phẩm thời trang, giá trị cảm nhận và ý định mua của người tiêu dùng trẻ tuổi tại Nha Trang. ***Mã số: 149+150.2BMkt.21*** 137

The Relationship between the "Excellence" of the Fashion Products, the Perceived Value, and the Purchase Intention of Young Consumers in Nha Trang City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

15. Hoàng Thanh Hạnh - Một số vấn đề lý luận về kiểm toán kê khai tài sản - thu nhập do kiểm toán nhà nước thực hiện. ***Mã số: 149+150.3BAcc.32*** 148

Several Theoretical Issues on Asset and Income Declaration Auditing by State Audit

16. Nguyễn Thị Phương Thảo và Nguyễn Văn Anh - Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ công trực tuyến - Góc nhìn từ những người đã sử dụng dịch vụ**.** ***Mã số: 149+150.3OMIS.32*** 156

Assessment of citizen's satisfaction with online public service quality - Perspective from those who have used the online service

17. Đinh Văn Toàn - Nghiên cứu doanh nghiệp học thuật Spin-offs từ các trường đại học trên thế giới và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục đại học Việt Nam. ***Mã số: 149+150.3OMIS.31*** 167

Research on Spin-offs in Universities in the World and Problems of Tertiary Education in Vietnam

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ DỰA TRÊN RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP: NGHIÊN CỨU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT NAM

Vũ Thị Kim Anh
Trường Đại học Công đoàn
Email: kimanhvt@dhcd.edu.vn

Ngày nhận: *06/08/2020* ***Ngày nhận lại:*** *03/12/2020* ***Ngày duyệt đăng:*** *08/12/2020*

Cách thức tiếp cận của kiểm toán nói chung cũng như Kiểm toán nội bộ (KTNB) nói riêng đã đang dần thay đổi từ tiếp cận hệ thống, tuân thủ chuyển sang tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro nhằm tăng thêm giá trị và hiệu quả cho các doanh nghiệp (DN). Thông qua phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro, KTNB luôn được xem là "tai mắt" của quản lý DN, giúp các nhà quản lý điều hành có thể kiểm soát hoạt động tốt hơn, quản lý rủi ro (QLRR) tốt hơn, nâng cao uy tín, thương hiệu, gia tăng niềm tin của các cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác, cơ quan chức năng về hệ thống quản trị của tổ chức. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này nhằm đánh giá khả năng áp dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB tại các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (DNKDBĐS) tại Việt Nam hiện nay và đề xuất một số khuyến nghị phù hợp để khuyến khích và định hướng cho việc áp dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB.

Từ khóa*: Kiểm toán nội bộ; phương pháp, rủi ro, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản.*

JEL Classifications*: M40, M42, M49*

1. Giới thiệu

Kiểm toán nội bộ (KTNB) ngay từ khi mới ra đời đã là một công cụ hữu hiệu cho quản lý, kiểm soát từ bên trong doanh nghiệp (DN). Trải qua quá trình phát triển, KTNB ngày càng hoàn thiện hơn về lý luận và thực tiễn. Ngày nay, KTNB là công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hiệu lực của kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro (QLRR), tạo ra giá trị gia tăng và trợ giúp DN đạt được các mục tiêu hoạt động.

Kinh doanh bất động sản là lĩnh vực kinh doanh có nhiều đặc thù riêng, hoạt động kinh doanh này luôn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thuộc về sự ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, sự phát triển của khoa học công nghệ, sự biến động của các thị trường ngoại tệ, vàng, lãi suất… các yếu tố này đều có thể tác động trực tiếp hay gián tiếp đến kết quả của hoạt động kinh doanh bất động sản. Cùng với đặc thù hoạt động là đòi hỏi nguồn vốn rất lớn và thời gian đầu tư lâu dài nên hoạt động kinh doanh bất động sản được đánh giá là lĩnh vực hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều đó đòi hỏi các DN kinh doanh trong lĩnh vực này phải kiểm soát được hoạt động thông qua sử dụng đồng bộ nhiều công cụ quản lý khác nhau, và kế toán được xem là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhất để cung cấp các thông tin hữu ích cho việc kiểm soát và ra quyết định của nhà quản trị DN.

Định hướng KTNB theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro (Risk Based Internal Audit - RBIA) là phương pháp hiện đại và hợp với xu thế tất yếu, trong hoạt động kiểm toán hiện nay. Phương pháp này, giúp cho kiểm toán viên nội bộ (KTVNB) đảm bảo xác định mẫu chọn với sự đảm bảo tính đại diện cho tổng thể, đảm bảo khối lượng kiểm toán phù hợp, đúng trọng tâm trọng điểm của kiểm toán, đạt được tính kinh tế và chất lượng trong kiểm toán. Ngoài ra, phương pháp này, không chỉ chú trọng đến các rủi ro kiểm toán đơn thuần mà còn quan tâm đến các rủi ro kinh doanh thông qua đánh giá tất cả các

nhân tố tác động đến hoạt động của đơn vị. Từ việc tiếp cận xuất phát từ rủi ro kinh doanh, KTVNB sẽ xác định các khẩu vị rủi ro, xác định đúng trọng tâm và trọng điểm kiểm toán, để từ đó xác định phạm vi, khối lượng kiểm toán và phân bổ nguồn lực phù hợp với mức độ rủi ro và mức độ trọng yếu của từng cuộc kiểm toán, cũng như thiết kế và thực hiện các thủ tục phù hợp nhất, hiệu quả nhất để xử lý các rủi ro đã đánh giá.

Với lý do đó, bài viết này sẽ thu hẹp khoảng trống nghiên cứu trên bằng một khảo sát thực nghiệm tương đối toàn diện về mức độ vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB tại các DNKDBĐS ở Việt Nam. Nghiên cứu sẽ trả lời 2 câu hỏi sau: (i) Đánh giá mức độ vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB, những lợi ích, thách thức và quy trình vận dụng phương pháp RBIA như thế nào? (ii) Những giải pháp nào phù hợp để khuyến khích và định hướng cho việc vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần bổ sung các nghiên cứu về định hướng vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB cũng như giúp cho KTVNB áp dụng phương pháp này hiệu quả hơn.

Sau phần giới thiệu, phần hai của bài viết sẽ là tổng quan các nghiên cứu về KTNB trên cơ sở rủi ro (RBIA) và vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB. Phần ba là phương pháp nghiên cứu. Phần bốn là kết quả khảo sát và phân tích kết quả. Phần cuối cùng là các phát hiện, khuyến nghị và hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay đã có nhiều công trình trong và ngoài nước liên quan đến KTNB nói chung, thực hiện KTNB theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro nói riêng cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Mỗi công trình nghiên cứu ở một góc độ khác nhau nhằm đạt được mục đích của nghiên cứu, dưới đây là tổng quan một số công trình tiêu biểu liên quan đến nghiên cứu:

Nghiên cứu về KTNB trên cơ sở rủi ro (RBIA)

Nghiên cứu của Jenny và Pamela (2006) đã điều tra việc thành lập bộ phận KTNB tại công ty niêm yết tại Australia và chức năng của KTNB tại những công ty này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng bộ phận KTNB ở các công ty niêm yết có liên kết mạnh mẽ với bộ phận QLRR. Trong quá trình hoạt động, hai bộ phận này có tác động qua lại hỗ trợ cho nhau nhằm mục đích chung là QLRR. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, các tác giả đưa ra kiến nghị thiết lập một quy trình KTNB có sự liên kết với bộ phận QLRR để đạt được mục tiêu chung là hỗ trợ nhà quản trị trong việc QLRR. Griffiiths (2006) đã nghiên cứu KTNB dựa trên cơ sở rủi ro, tác giả nhấn mạnh rằng trong khi ban quản lý chịu trách nhiệm chính trong quy trình QLRR, KTNB có thể đóng vai trò hỗ trợ nhà quản lý trong việc nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro và đánh giá tính hiệu quả và hiệu lực của quy trình QLRR. Nghiên cứu cũng đã làm rõ cơ sở lý luận kiểm toán dựa trên rủi ro, cung cấp một kế hoạch chi tiết về quy trình cuộc KTNB dựa trên rủi ro như dựa trên rủi ro để lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện một cuộc kiểm toán theo những rủi ro. Tác giả nhấn mạnh điểm khác biệt giữa kiểm toán tuân thủ và kiểm toán theo định hướng rủi ro là ở chỗ kiểm toán trên cơ sở định hướng rủi ro không xuất phát từ các thủ tục kiểm soát, mà xuất phát từ mục tiêu của tổ chức và các rủi ro ảnh hưởng tới mục tiêu đặt ra, từ đó đánh giá các hoạt động kiểm soát nhằm quản lý các rủi ro đó. KTNB đóng vai trò là người đưa ra giải pháp chứ không chỉ phát hiện vấn đề, tiếp nhận các yêu cầu từ các bộ phận hoạt động với tư cách cố vấn, một đối tác, hướng đến tương lai.

Miller (2014) nghiên cứu các quy trình, thủ tục KTNB và chứng minh rằng KTNB mang lại sự đảm bảo hợp lý trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động kiểm soát, QLRR và quản trị DN, qua đó góp phần giúp tổ chức hoàn thành mục tiêu cũng như sứ mệnh của mình. Điều đó đồng nghĩa với việc KTNB góp phần hỗ trợ tổ chức phát triển bền vững thông qua việc đạt được sự cân bằng giữa 3 mục tiêu: tăng trưởng, hiệu quả và kiểm soát. Miller (2014) còn cho rằng để phát huy vai trò của KTNB trong QLRR, DN cần tổ chức và duy trì chức năng KTNB trong DN một cách thích hợp. Trước hết về định hướng phương pháp tiếp cận, phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro sẽ là giải pháp lựa chọn tốt nhất cho các DN trong bối cảnh hiện nay. KTNB trên cơ sở tiếp cận rủi ro đang là xu thế và ngày càng chứng minh tính tiến bộ, hiệu quả của mình trong vai trò đồng hành cùng quản lý DN.

Nghiên cứu của Phan Trung Kiên (2014) đã chỉ ra với hoạt động trong lĩnh vực đặc thù - xây dựng, các doanh nghiệp xây dựng nói chung và các tổng công ty xây dựng nói riêng đang phải đối mặt với

nhiều khó khăn trong những năm vừa qua. Nhiều vấn đề quản trị mới nảy sinh trong điều kiện môi trường kinh doanh, pháp lý có sự thay đổi, đòi hỏi nhà quản trị cấp cao phải tìm kiếm phương sách quản lý thích hợp. KTNB là một trong những phương sách được sử dụng trong quản trị công ty tại các tổng công ty xây dựng Việt Nam. Tác giả cho rằng KTNB phải đáp ứng được yêu cầu của quản trị công ty, KTNB cần bám sát nhu cầu của quản trị, xác định và lựa chọn đúng những vấn đề quản trị quan tâm.

Để chứng minh giá trị gia tăng của KTNB hướng đến QLRR, Sarens (2009) cho rằng các đặc điểm của KTNB (tính khách quan và độc lập, phương pháp kiểm toán) và đặc điểm của các KTVNB làm trong KTNB (các kỹ năng và kiến thức KTNB) có tác động tích cực đến chất lượng kiểm soát nội bộ và QLRR trong DN. Nghiên cứu của Yu và cộng sự (2019) đã chỉ ra rằng khi bộ phận KTNB được đầu tư phù hợp có thể đáp ứng tốt cả 3 mục tiêu (hoạt động, báo cáo và tuân thủ) của đơn vị KTNB là trợ thủ đắc lực cho nhà quản lý, không những đảm bảo độ tin cậy của thông tin mà còn đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế và tính hiệu năng trong các hoạt động chức năng khác nhau. KTNB là công cụ lãnh đạo của các DN có chức năng kiểm tra, đánh giá, phân tích tình hình hoạt động DN ở từng bộ phận, ở tất cả các giai đoạn trước, trong và sau quá trình kinh doanh giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của DN tuân thủ đúng quy định của pháp luật; đồng thời kiểm tra, đánh giá thông tin trên các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị nhằm đảm bảo các thông tin trên báo cáo trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh theo các chế độ. Vì vậy, KTNB là một hoạt động đảm bảo và tư vấn khách quan, độc lập được thiết kế để tăng thêm giá trị và cải thiện hoạt động của một tổ chức. Nó giúp một tổ chức thực hiện các mục tiêu của mình bằng cách đưa ra một cách tiếp cận có hệ thống, có kỷ luật để đánh giá và nâng cao hiệu lực của các quy trình QLRR, kiểm soát và quản trị" (IIA, 2016)

Nghiên cứu về vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB

Griffiths (2006) cho rằng phương pháp kiểm toán dựa trên định hướng rủi ro xuất phát từ mục tiêu của tổ chức các rủi ro ảnh hưởng đến mục tiêu đã đề ra. Trên cơ sở tiếp cận toàn bộ hệ thống để xác định những khu vực, vùng, bộ phận có rủi ro cao nhất, có khả năng ảnh hưởng lớn nhất. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Liu (2012) đã chứng minh phương pháp RBIA giúp KTVNB đánh giá tính đầy đủ, đúng đắn và nhận diện rủi ro, đánh giá tính thích hợp của việc đánh giá rủi ro, đánh giá tính đúng đắn của việc né tránh rủi ro, hiểu biết về mức độ rủi ro quản lý có thể chấp nhận được và báo cáo về tình hình đánh giá rủi ro.

Nghiên cứu của Trần Thị Hồng Mai (2009) đã mô tả một cách khái quát những công việc mà kiểm toán viên nội bộ cần thực hiện liên quan đến rủi ro như: Nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro, tư vấn cho doanh nghiệp QLRR. Gần đây nghiên cứu của Trần Văn Hồng (2020) đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro trong kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình; tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro trong kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình; đề xuất những định hướng và giải pháp vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro trong kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ngày nay, phương pháp tiếp cận của KTNB hiện đại đã có bước tiến đáng kể khi có sự dịch chuyển từ phương pháp tiếp cận hệ thống sang một phương pháp đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới đó là tiếp cận theo rủi ro. Theo đó, KTNB xuất phát từ việc xác định, đánh giá rủi ro để xác định đối tượng, nội dung, phương pháp, thủ tục… và bố trí các nguồn lực để thực hiện kiểm toán. Có thể thấy sự khác nhau cơ bản giữa phương pháp tiếp cận hệ thống và phương pháp tiếp cận theo rủi ro đó là từ chỗ đánh giá sự đầy đủ, tính hiệu lực của các thủ tục kiểm soát sang xác định, đánh giá mức độ ảnh hưởng và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro được hiểu là những biến động, thay đổi trái với dự kiến, kế hoạch ban đầu. Trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh của DN luôn chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố khác nhau như: kinh tế ngành; tình hình tăng trưởng hay suy thoái kinh tế quốc gia, vùng lãnh thổ và thế giới; tình hình chính trị; thiên tai... hay chỉ là một sự thay đổi trong đội ngũ lãnh đạo cũng đều có những tác động nhất định đến hoạt động của DN. Vì vậy, nếu KTNB chỉ quan tâm đến tính đầy đủ của các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ và các thủ tục kiểm soát thì sẽ không nhận biết được sự thay đổi của môi trường

kinh doanh và không đánh giá kịp thời tính hiệu lực, sự phù hợp của các thủ tục kiểm soát.

Theo IIA (2016) cách thức thực hiện kiểm toán trên cơ sở định hướng rủi ro của KTNB có thể khác nhau phụ thuộc vào trình độ phát triển của quy trình quản lý rủi ro hiện tại của tổ chức. Có thể thấy rõ điều này thông qua lý thuyết ba vòng bảo vệ trong DN. Theo nguyên tắc này, bộ phận QLRR có chức năng xây dựng chính sách, quy chế, các tiêu chuẩn và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro toàn DN. Còn KTNB giữ vai trò là vòng bảo vệ thứ 3 trong DN với chức năng đánh giá độc lập sẽ tiến hành đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả, nhất quán của mô hình QLRR và tư vấn hoàn thiện công tác quản trị rủi ro. Có thể thấy phương pháp tiếp cận KTNB theo định hướng rủi ro (RBIA) mang lại hiệu quả cao cho cuộc KTNB trong DN.

Lê Thị Thu Hà (2011) đã cho rằng Phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro có thể được áp dụng trong toàn bộ quá trình kiểm toán, không chỉ đối với việc lập kế hoạch kiểm toán hàng năm, mà còn trong toàn bộ quy trình kiểm toán" kèm theo đó là những nội dung hướng dẫn tương đối cụ thể, chi tiết. Tác giả cũng đã có những định hướng, hướng dẫn cơ bản về đánh giá, phân loại rủi ro và công tác quản lý chất lượng hoạt động kiểm toán.

Deloitte và SCIC (2015) đã đưa ra hướng dẫn xác định chỉ số rủi ro khi vận dụng phương pháp kiểm toán theo rủi ro và nghiên cứu cũng khẳng định KTVNB phải kết hợp các thành tố với trọng số của chúng trong một công thức có thể sử dụng để tính toán chỉ số rủi ro. Trong việc chọn trọng số, KTVNB phải tránh đưa xu hướng không công bằng vào công thức.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Thuý (2010), Vũ Thuỳ Linh (2014), Trần Thị Lan Hương (2020) mặc dù các tác giả đã hướng KTNB tiếp cận trên cơ sở phân tích rủi ro, tuy nhiên trong nội dung nghiên cứu vẫn mang nhiều đặc điểm của phương pháp tiếp cận hệ thống, chú trọng vào kiểm toán tài chính và chưa đưa ra mô hình đánh giá, phân tích, xếp loại rủi ro.

Như vậy, các nghiên cứu đã chứng minh các thủ tục kiểm toán đã thay đổi rất nhiều trong suốt một thời gian dài, và có sự chuyển đổi tất yếu từ phương pháp kiểm toán truyền thống sang phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro. Cách tiếp cận này quyết định rủi ro của DN, cho phép sử dụng tối ưu các nguồn lực kiểm toán hiếm hoi, đạt được sự đồng thuận cao hơn giữa kiểm toán và mục tiêu của DN, đồng thời giảm thiểu được rủi ro tiềm ẩn. Tuy nhiên các nghiên cứu chưa đi sâu vào phân tích và làm rõ lợi ích, thách thức cũng như đánh giá quy trình KTNB theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro theo khuôn mẫu thực hành của KTNB (IIA, 2016). Vì vậy, trong phần khảo sát thực trạng, bài viết sẽ xem xét việc vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB tại các DNKDBĐS ở Việt Nam hiện nay đang ở mức độ nào theo các nhân tố lợi ích, thách thức và quy trình thực hiện KTNB theo RBIA.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính qua công cụ phỏng vấn các chuyên gia của 5 DNKDBĐS trên địa bàn Hà Nội có tổ chức KTNB bao gồm: Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (HANDICO); Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD); Tổng công ty VINACONEX; Tập đoàn Tân Hoàng Minh (THM), Công ty CP đầu tư và thương mại CTM.

Bảng câu hỏi phỏng vấn được thiết kế 2 phần: Phần 1. Là những câu hỏi chung liên quan đến đối tượng khảo sát như về giới tính, độ tuổi, trình độ... Phần 2: Đánh giá mức độ vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB, những lợi ích, thách thức và quy trình vận dụng phương pháp RBIA như thế nào? Mức đánh giá được đo bằng thang Likerk 5 điểm: 1 - Hoàn toàn không hài lòng; 2 - Chưa thực sự hài lòng; 3 - Trung lập; 4 - Tương đối hài lòng; 5 - Hoàn toàn hài lòng hoặc 1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Chưa thực sự đồng ý; 3 - Trung lập; 4 - Tương đối đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý.

Đối tượng phỏng vấn là KTVNB (Trưởng bộ phận kiểm toán, trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên nội bộ) và các nhà quản trị cấp cao (Giám đốc hoặc phó giám đốc tài chính hoặc Phó Tổng giám đốc hoặc thành viên hội đồng quản trị hoặc Kế toán trưởng hoặc Trưởng ban Tài chính - Kế toán của các tổng công ty theo những nội dung có liên quan). Đối tượng phỏng vấn là những người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia các cuộc kiểm toán, do vậy họ là người hiểu biết rõ nhất về vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB, như vậy kết quả khảo sát sẽ có độ tin cậy cao. Phương tiện thực hiện chủ yếu là phỏng vấn trực tiếp hoặc gọi điện thoại đến các đối tượng trong thời gian từ tháng 11/2020 - tháng 12/2020.

Bảng 1: *Đặc điểm đối tượng khảo sát*

Theo vị trí công việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Theo thâm niên	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Theo trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ban Giám đốc	6	20	Trên 20 năm	8	26,67	Đại học	18	60
Trưởng/phó bộ phận KTNB/KSNB	8	26,67	Từ 10 đến 20 năm	15	50	Trên đại học	12	40
Kiểm toán viên nội bộ/Kiểm soát viên	16	53,33	Từ 5 đến 10 năm	7	23,33			
Tổng cộng	**30**	**100**	**Tổng cộng**	**30**	**100**	**Tổng cộng**	**30**	**100**

Bảng 1 cho thấy, đối tượng tham gia phỏng vấn đều là những người có thời gian dài làm việc ở công ty, từ 11-20 năm chiếm 50%, trên 20 năm chiếm 26,67%. Điều này cho thấy, đối tượng khảo sát là người gắn bó và am hiểu công ty. Cơ cấu thời gian công tác khá lâu là do quy chế KTNB của cả 5 DNKDBĐS đại diện mẫu nghiên cứu ở trên quy định, KTVNB phải có ít nhất 3-5 năm công tác ở vị trí khác trong công ty như quản lý, kế toán, tài chính trước khi làm kiểm toán. Về trình độ học vấn: Số liệu phân tích cho thấy, trình độ học vấn của các đối tượng phỏng vấn 100% là từ đại học trở lên.

Mục đích của các cuộc phỏng vấn nhằm xác định quan điểm của người được phỏng vấn về vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB, theo họ chất lượng thực hiện KTNB phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro được thể hiện như thế nào? những lợi ích, thách thức và quy trình KTNB theo phương pháp RBIA tại DNKDBĐS ở Việt Nam.

Xử lý kết quả khảo sát: Kết quả phỏng vấn được tổng hợp và tính giá trị trung bình của từng tiêu chí quan sát. Dựa trên kết quả phân tích, bài viết tiến hành thảo luận và đưa ra các khuyến nghị về việc vận dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong KTNB tại DNKDBĐS ở Việt Nam.

4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

4.1. Lợi ích của phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro với KTNB

Dữ liệu Bảng 2 cho thấy các đối tượng được hỏi đều đánh giá phương pháp RBIA mang lại nhiều lợi ích cho cuộc KTNB (mức đánh giá trung bình đạt từ 3.32 đến 4.03). Cụ thể:

Thứ nhất, thực hiện KTNB theo phương pháp kiểm toán dựa trên tiếp cận rủi ro, giúp KTVNB đạt được mức độ hiểu biết toàn diện hơn về mục tiêu và các rủi ro mà DN đang phải đối mặt. Do phương pháp tiếp cận này xuất phát từ rủi ro kinh doanh, thông qua đánh giá tất cả các nhân tố tác động đến hoạt động của đơn vị. Khi đánh giá các nhân tố, KTVNB cần quan tâm tới môi trường kinh doanh, môi trường pháp luật, môi trường doanh nghiệp,... để đạt được những hiểu biết cần thiết, đảm bảo cho việc đưa ra ý kiến phù hợp. KTVNB sử dụng sự hiểu biết về tình hình kinh doanh để xác định rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và xác định nội dung, lịch trình, phạm vi của các thủ tục kiểm toán. Do đó, để đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán, KTVNB phải thu thập thông tin đầy đủ về tình hình kinh doanh nhằm nhận biết, đánh giá và phân tích được khẩu vị từng loại rủi ro. Chính vì vậy, KTVNB sẽ đạt được sự hiểu biết về rủi ro ở mức độ cao. Khi được hỏi: "Ông/Bà cho biết hiện nay đơn vị đang phải đối mặt với những loại rủi ro kinh doanh nào?". Với các đặc điểm ngành nghề đầu tư kinh doanh bất

Bảng 2: *Lợi ích của phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro với KTNB*

Lợi ích của RBIA	N	Trung bình
1. Giúp KTVNB đạt được mức độ hiểu biết toàn diện hơn về mục tiêu và các rủi ro mà DN đang phải đối mặt	30	3.89
2. Giúp KTVNB xác định đúng trọng tâm và trọng điểm kiểm toán, để từ đó xác định phù hợp phạm vi và khối lượng kiểm toán	30	4.03
3. Giúp KTVNB đạt được sự tuân thủ đầy đủ chính sách, pháp luật và chuẩn mực kiểm toán khi thực hiện kiểm toán	30	3.67
4. Kiến nghị, tư vấn sau kiểm toán hữu ích hơn	30	3.32

động sản nên 9/10 cuộc phỏng vấn đều cho rằng các DN đang tiềm ẩn và tồn tại với 3 loại rủi ro chủ yếu: (i) rủi ro tài chính (huy động vốn, hoạt động đầu tư, khả năng thanh toán,…), rủi ro khi triển khai thực hiện dự án đầu tư (chiến lược đầu tư chưa hợp lý, đầu tư dàn trải với nhiều dự án đầu tư mới, dở dang,…); rủi ro khi thực hiện các hợp đồng thi công xây lắp (Vốn bị ứ đọng do hàng tồn kho cao hoặc bị chiếm dụng do khách hàng nợ tiền,…).

Thứ hai, phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro giúp KTVNB xác định đúng trọng tâm và trọng điểm kiểm toán, để từ đó xác định phù hợp phạm vi và khối lượng kiểm toán, giúp KTVNB phân bổ nguồn lực phù hợp với mức độ rủi ro và mức độ trọng yếu của từng khoản mục, cũng như thiết kế và thực hiện các thủ tục phù hợp nhất, hiệu quả nhất để xử lý các rủi ro đã đánh giá. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Griffiths (2006) cho rằng phương pháp kiểm toán dựa trên định hướng rủi ro giúp đơn vị xác định những khu vực, vùng, bộ phận có rủi ro cao nhất, có khả năng ảnh hưởng lớn nhất. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Jie Liu (2012) cho rằng phương pháp RBIA giúp KTVNB đánh giá tính đầy đủ, đúng đắn và nhận diện rủi ro, đánh giá tính thích hợp của việc đánh giá rủi ro.

Thứ ba, thực hiện KTNB theo phương pháp tiếp cận này, giúp KTVNB đạt được sự tuân thủ đầy đủ chính sách, pháp luật và chuẩn mực kiểm toán khi thực hiện kiểm toán. Một trong những mục đích chính của hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và quốc tế là khuyến khích KTVNB xem xét mục tiêu và các thủ tục kiểm toán trong từng trường hợp cụ thể, thay vì thực hiện kiểm toán một cách máy móc. Vì vậy, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán cần xác định đối tượng, mục tiêu, phạm vi, kỹ thuật, trình tự theo định hướng rủi ro (Jie Liu, 2012). Chính vì thế, có thể nói việc KTVNB vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro là tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về thực hành chuyên môn của KTNB (IIA, 2002).

Thứ tư, thực hiện kiểm toán theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro giúp KTVNB đưa ra ý kiến phù hợp trên báo cáo kiểm toán. Việc thực hiện các thủ tục kiểm toán dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, giúp giảm rủi ro kiểm toán, đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán, từ đó, cuộc kiểm toán được thực hiện một cách hiệu quả hơn. KTVNB với sự đánh giá về những vùng rủi ro và thực hiện các thủ tục kiểm toán được thiết kế cho các rủi ro đó, các chỉ tiêu trong báo cáo sẽ chỉ rõ khách thể kiểm toán nào chưa thực hiện các kiến nghị, khách thể nào đã thực hiện và mức độ thực hiện là bao nhiêu. Thêm vào đó, báo cáo còn phân tích rõ các nguyên nhân của việc chưa thực hiện cũng như thực hiện chưa đầy đủ làm căn cứ cho việc đưa ra các giải pháp khắc phục.

4.2. Thách thức khi vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB

Bảng 3: *Thách thức khi vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB*

Tiêu chí	N	Trung bình
1. KTV đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn và kỹ năng cao hơn khi đánh giá rủi ro kinh doanh	30	4,11
2. Các thủ tục kiểm toán được thiết kế để ứng phó lại các rủi ro đã được xác định là rất đa dạng và không giống nhau giữa các DNKDBĐS	30	3,94
3. Áp dụng công nghệ thông tin và thực hiện kiểm toán liên tục	30	3.77

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Thứ nhất, KTVNB đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn và kỹ năng cao hơn khi đánh giá rủi ro kinh doanh, yêu cầu quan trọng nhất đối với KTVNB là phải có hiểu biết về đặc điểm hoạt động kinh doanh của đơn vị mình, KTVNB cần phải có năng lực kỹ năng đặc biệt, có đầy đủ kiến thức thực tế và lý thuyết để đáp ứng yêu cầu công việc. KTVNB phải nhận thức được sự phát triển về kế toán, kiểm toán qua các văn bản chuyên ngành, thích hợp do quốc gia và quốc tế công bố, cũng như các quy định liên quan và có yêu cầu của pháp luật. Tiêu chí này được đánh giá ở mức cao (4.11/5). Điều này khẳng định sự đóng góp to lớn về năng lực chuyên môn của KTVNB vào chất lượng thực hiện KTNB trong các DNKDBĐS cũng như hỗ trợ đắc lực cho các nhà quản lý trong việc ngăn chặn những sai phạm. Tuy nhiên khi trao đổi với 2/3 Trưởng bộ phận KTNB tại 3 DNKDBĐS cho rằng các KTVNB chưa thực sự có khả năng xét đoán và phát hiện các

sai phạm trọng yếu. Ngoài ra, theo Trưởng ban kiểm tra của Tổng công ty HUD và KTVNB tại Tổng công ty Vinaconex thì khả năng nghiên cứu và trau dồi kiến thức chuyên môn của KTVNB chưa được thực hiện nghiêm túc và khoa học. Trong tương lai, KTNB phải tập trung vào giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn cho KTVNB.

Thứ hai, do mỗi một DN có đặc điểm và môi trường kinh doanh khác nhau, do đó rủi ro kinh doanh của các DN này là khác nhau. Chính vì thế, các thủ tục kiểm toán được thiết kế để ứng phó lại các rủi ro đã được xác định là rất đa dạng và không giống nhau giữa các khách hàng. Không có một chương trình kiểm toán mẫu hay chuẩn mực kiểm toán nào, có thể hướng dẫn tất cả các thủ tục kiểm toán phù hợp với mọi trường hợp rủi ro được xác định. Điều này đòi hỏi KTV phải linh động và sáng tạo trong từng trường hợp rủi ro, khi xác định thủ tục kiểm toán.

Thứ ba, để tăng cường QLRR cho tổ chức, KTNB phải thực hiện kiểm soát rủi ro liên tục và đánh giá rủi ro trên toàn bộ tổ chức một cách thường xuyên (KPMG, 2017). Bất kỳ công cụ kiểm toán tự động nào như các phần mềm kiểm toán, công cụ tính toán các thử nghiệm dữ liệu, các chương trình kiểm toán cài đặt sẵn, các công cụ hỗ trợ kiểm toán, các kỹ thuật kiểm toán có sự hỗ trợ của máy tính (IIA,2016, tr.26). Mặt khác, nhu cầu ứng phó với ảnh hưởng của tiến bộ về công nghệ thông tin trong chuyên môn nghiệp vụ của KTNB và các yêu cầu tuân thủ và QLRR đặt ra nhu cầu cho DN về kiểm toán liên tục. Kiểm toán liên tục là quá trình kiểm toán điện tử toàn diện cho phép cung cấp sự đảm bảo một cách liên tục và gần như ngay sau thời điểm thông tin cần kiểm toán phát sinh (Rezaee và Riley, 2010). Do đó, KTNB thực hiện kiểm toán liên tục giúp đánh giá rủi ro và các thủ tục kiểm soát một cách tự động và thường xuyên (Coderre, 2005).

4.3. Quy trình thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB

Phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro, đòi hỏi KTVNB trước hết phải hiểu rõ về DN và môi trường kinh doanh của nó, cách quản trị rủi ro và xác định khẩu vị rủi ro và mức rủi ro. Sau đó, KTVNB thực hiện đánh giá rủi ro bao gồm việc cân nhắc các nhân tố như bản chất của rủi ro, các thủ tục kiểm soát nội bộ thích hợp và cấp độ cần thiết của bằng chứng kiểm toán. Sau khi đánh giá rủi ro, KTVNB sẽ thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho những rủi ro đã được đánh giá, nhằm mục đích thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận kiểm toán. Việc đánh giá rủi ro được tiếp diễn trong suốt cuộc kiểm toán, kế hoạch kiểm toán và thủ tục kiểm toán có thể được thay đổi trong trường hợp việc đánh giá lại là cần thiết. Quy trình một cuộc KTNB được thực hiện bởi KTNB của các DNKDBĐS về cơ bản cũng tuần tự trải qua 4 giai đoạn của một cuộc KTNB thông thường, bao gồm: chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán và theo dõi sau kiểm toán. Cụ thể kết quả khảo sát như sau:

Giai đoạn 1: Lập kế hoạch kiểm toán

Việc lập kế hoạch KTNB được đánh giá tập trung ở mức 3 - trùng với các tiêu chí đánh giá đạt mức trung bình từ 2.65/5 đến 3.38/5 (bảng). Giai đoạn lập kế hoạch là giai đoạn khởi đầu cho 1 cuộc KTNV nhằm xác định sự đảm bảo và các nhiệm vụ tư vấn trong một khoảng thời gian cụ thể, thường là hàng năm, bằng cách xác định và ưu tiên tất cả các lĩnh vực mà hội đồng quản trị yêu cầu đảm bảo được mục tiêu, bao gồm các quy trình QLRR, việc QLRR chính, ghi chép và báo cáo rủi ro. Mục tiêu của bước này xác định sự đồng ý với các phương án ứng phó với rủi ro và quy trình QLRR mà ở đó nhiệm vụ đảm bảo của KTNB được yêu cầu. Từ đó xây dựng kế hoạch kiểm toán trong 1 giai đoạn nhất định, thường là 1 năm. Khi trao đổi với lãnh đạo ban KTNB của Tập đoàn Tân Hoàng Minh thì chuyên gia cho rằng: Kế hoạch kiểm toán còn mang nặng tính hành chính, không linh hoạt, kế hoạch kiểm toán các năm, đối tượng kiểm toán các đơn vị trong cùng đợt kiểm toán về cơ bản thường giống nhau. Theo Trưởng ban kiểm tra kiểm soát của Tổng công ty HUD thì việc xác định nội dung KTNB tại đơn vị tập trung chủ yếu vào đánh giá mức độ trung thực hợp lý của các thông tin kinh tế tài chính cũng như thực trạng tuân thủ các quy định, luật pháp mà chưa chú trọng đúng mức trong việc tổ chức xác định các nội dung kiểm toán hoạt động nhằm đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của các bộ phận, hoạt động, chương trình, dự án tại Tổng công ty HUD.

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động KSNB bước đầu đã tiếp cận theo phương pháp đánh giá rủi ro, có tiến hành phân loại rủi ro và ưu tiên kiểm toán (Mean = 3.17/5) và đã thực hiện liên kết giữa rủi ro và nhiệm vụ kiểm toán (Mean = 3.12/5). Theo ý

kiến của KTVNB tại Tổng công ty Vinaconex: Sổ tay KTNB do Ban KTNB ban hành đã có những quy định tương đối cụ thể về thủ tục phân tích, đánh giá, phân loại rủi ro trong quá trình lựa chọn đối tượng và tần suất kiểm soát nhưng việc tiến hành phân loại rủi ro và ưu tiên kiểm toán và thực hiện liên kết giữa rủi ro và nhiệm vụ kiểm toán thì rất ít đơn vị thực hiện. Việc xác định trọng tâm, trọng yếu và rủi ro kiểm toán đã được đề cập đến trong quá trình xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết của từng cuộc kiểm toán (Mức đánh giá trung bình 3.38/5 ý kiến cho rằng DN đã lập kế hoạch kiểm toán định kỳ). Mặc dù sổ tay KTNB đã đưa ra các nội dung cơ bản về đánh giá rủi ro trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán năm và kế hoạch kiểm toán chi tiết từng cuộc kiểm soát nhưng trên thực tế tại DNKDBĐS việc hướng KTNB theo phương pháp tiếp cận rủi ro vẫn chưa được tiến hành thực sự bài bản và phát huy hiệu quả.

khung QLRR, bao gồm cả việc giảm thiểu các nhóm rủi ro hoặc rủi ro riêng lẻ. Mục tiêu của giai đoạn này là cung cấp sự đảm bảo trong mối liên hệ với hoạt động kinh doanh, hệ thống đang được xem xét cũng như được xác định trong kế hoạch kiểm toán. Khi thực hiện kiểm toán, các KTVNB phải tuân thủ, áp dụng đầy đủ các phương pháp, thủ tục kiểm toán đã được đề ra trong kế hoạch kiểm toán chi tiết. Nếu có phát sinh rủi ro hoặc các yếu tố ngoài kế hoạch trong quá trình kiểm toán thì KTVNB phải báo cáo ngay với Trưởng đoàn kiểm toán để có biện pháp xử lý kịp thời, tránh ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng cuộc kiểm toán. Mục tiêu chính của giai đoạn này là tiến hành thu thập bằng chứng để đánh giá theo các tiêu chí kiểm toán đã được xây dựng. Bên cạnh đó, trong quá trình kiểm toán, KTNB cũng cần thu thập các bằng chứng nhằm phát hiện ra những điểm yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ, QLRR của đơn vị được kiểm toán. Kết quả khảo sát giai đoạn thực

Bảng 4: *Kết quả khảo sát về lập kế hoạch kiểm toán*

Tiêu chí	N	Trung bình
1. Có xác định các phương án đối phó và quy trình QLRR mà ở đó nhiệm vụ tư vấn của KTNB được yêu cầu	30	3.03
2. Có tiến hành phân loại rủi ro và ưu tiên kiểm toán	30	3.17
3. Đã thực hiện liên kết giữa rủi ro và nhiệm vụ kiểm toán	30	3.12
4. Có lập kế hoạch kiểm toán định kỳ (Ước tính thời gian và nguồn lực cần thiết cho mỗi cuộc kiểm toán)	30	3.18
5. Có lập Báo cáo với nhà quản trị (Chi tiết rủi ro mà cần thực hiện tư vấn để giúp nhà quản trị trong việc giảm thiểu rủi ro đến mức rủi ro mong muốn hoặc ít nhất chỉ ra nguồn lực tư vấn cho nhà quản trị)	30	2.65

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Bảng 5: *Kết quả khảo sát về thực hiện kiểm toán*

Nội dung	N	Trung bình
1. Xác định phạm vi kiểm toán	30	3.21
2. Mức độ tập trung kiểm toán vào rủi ro	30	2.14
3. Đánh giá chi tiết mức độ QLRR để đưa ra kết luận	30	2.38
4. Thảo luận và quan sát, xác minh bằng chứng, kiểm soát hoặc thực hiện lại	30	3.00
5. Xem xét lại sự đánh giá của tổ chức về các rủi ro còn lại	30	3.13

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Giai đoạn 2: Thực hiện kiểm toán

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm toán dựa trên rủi ro riêng biệt để cung cấp sự đảm bảo một phần

hiện nhiệm vụ kiểm toán riêng biệt được tổng hợp tại bảng 5:

Thông tin bảng 5 cho thấy, mặc dù KTNB đã xác định phạm vi kiểm toán (mức đánh giá: 3.21/5) nhưng trong khi thực hiện KTNB mức độ tập trung kiểm toán vào rủi ro thông qua những thủ tục kiểm tra chéo nhằm loại bỏ những khả năng sai sót trong quá trình kiểm tra được thực hiện rất hạn chế với mức đánh giá hầu hết là ở mức thấp (mức đánh giá: 2.14/5) cũng như việc đánh giá chi tiết mức độ QLRR để đưa ra kết luận cũng chưa được đánh giá cao (trung bình 2.38/5). Chính vì vậy, KTNB chưa thực sự tập trung vào những vấn đề được nhà quản lý quan tâm - những khu vực hoạt động có rủi ro cao, ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả hoạt động. Bởi vậy, kết quả kiểm toán chưa có ảnh hưởng tích cực tới hoạt động được kiểm toán.

sát cho thấy tại bảng 6 cho thấy các chuyên gia đều trung lập hoặc chưa thực sự hài lòng và các tiêu chí được đánh giá trung bình từ 2.36 đến 3.12/5. Khi phỏng vấn Phó tổng giám đốc của Tập đoàn TMC cho rằng: *nội dung còn đơn giản, hạn chế, chủ yếu là các hoạt động kiểm tra, đánh giá những lĩnh vực truyền thống; vai trò tư vấn chủ yếu là tư vấn hướng khắc phục thực trạng ngắn hạn, chưa có các tư vấn chiến lược, dài hạn nhằm cải tiến hoạt động, mang lại hiệu quả hoạt động quản lý. Vai trò đảm bảo và tư vấn quản lý rủi ro còn hơi yếu.*

Bảng 6: *Kết quả khảo sát về thực hiện kiểm toán*

Tiêu chí	N	Trung bình
1. Tổng hợp và phân loại kết quả KTNB	30	3.08
2. Kết luận về phương án và quá trình QLRR đã được kiểm toán thỏa đáng	30	2.36
3. Báo cáo, nhận phản hồi và tổng hợp kết quả kiểm toán hữu ích	30	3.12

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Bảng 7: *Kết quả khảo sát về theo dõi sau kiểm toán*

Tiêu chí	N	Trung bình
Yêu cầu các đơn vị lập báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị hiệu quả	30	3.06
Cách thức theo dõi kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện theo báo cáo phù hợp, hiệu quả	30	2.81
Kiểm tra tình hình thực hiện khuyến nghị tại đơn vị được kiểm toán hữu hiệu	30	2.35

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Giai đoạn 3: Kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn giai đoạn này KTVNB sẽ tiến hành tổ chức tổng hợp và phân loại kết quả theo dõi tình hình thực hiện khuyến nghị việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả theo dõi việc thực hiện các kiến nghị KTNB giúp tăng cường nâng cao chất lượng tổ chức theo dõi việc thực hiện các kiến nghị KTNB. Các chỉ tiêu trong báo cáo sẽ chỉ rõ khách thể kiểm toán nào chưa thực hiện các kiến nghị, khách thể nào đã thực hiện và mức độ thực hiện là bao nhiêu. Tuy nhiên, các báo cáo còn chưa phân tích rõ các nguyên nhân của việc chưa thực hiện cũng như thực hiện chưa đầy đủ làm căn cứ cho việc đưa ra các giải pháp khắc phục. Vì vậy, kết quả khảo

Giai đoạn 4: Theo dõi sau kiểm toán

Theo dõi sau kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của quy trình KTNB. Việc này nhằm hoàn thiện các hoạt động của các DNKDBĐS về tài chính, kế toán và các hoạt động kinh doanh khác. Theo kết quả khảo sát tại bảng 7, 100% các DNKDBĐS có thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị. Tuy nhiên công việc này được thực hiện theo hình thức đơn giản nên việc yêu cầu các đơn vị lập báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị hiệu quả chỉ được đánh giá bình thường (3.06/5). Tùy theo mức độ sai sót của kết quả kiểm toán, KTNB thực hiện theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị ngay sau khi kết thúc đợt kiểm toán hoặc chỉ theo dõi thông qua đánh giá vào kiểm toán lần sau, nên các chuyên gia chưa thực sự hài lòng với tiêu chí này (mức đánh giá 2.35/5). Cách thức theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị đơn

giản, việc kiểm tra không thực hiện trực tiếp mà chỉ thể hiện bằng văn bản của các đơn vị báo cáo lại với bộ phận KTNB và bộ phận kế toán các DNKDBĐS (mức đánh giá chỉ đạt 2.81/5). Đối với các trường hợp không thực hiện kiến nghị do nguyên nhân chủ quan, các DNKDBĐS chưa có một quy định cụ thể nào đưa ra các chế tài xử lý.

5. Kết luận và khuyến nghị

Phương pháp tiếp cận KTNB là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả của cuộc kiểm toán. Nếu KTVNB áp dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán không phù hợp thì khả năng thất bại của cuộc kiểm toán sẽ tăng lên. Phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro là phương pháp kiểm toán tối ưu nhất, nhằm tăng thêm giá trị và hiệu quả cho các DNKDBĐS nói riêng và các DN nói chung thông qua các phương pháp chủ động có tính xây dựng và tư vấn. Phương pháp này cũng được đánh giá mang lại nhiều lợi ích cho các cuộc KTNB hữu hiệu hơn. Tuy nhiên, phương pháp này cũng đặt ra nhiều thách thức cho các KTVNB khi thực hiện quy trình KTNB trong các DNKDBĐS nói riêng và các DN nói chung. Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy để gia tăng mức độ áp dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB tại các DNKDBĐS ở Việt Nam hiện nay, cần thực hiện các khuyến nghị sau:

Thứ nhất, đối với các cơ quan quản lý Nhà nước: Sau khi Nghị định số 05/2019/NĐ-CP và Thông tư số 66/2020/TT-BTC ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp ra đời, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, xây dựng và ban hành tài liệu, cẩm nang hướng dẫn cụ thể hơn trên cơ sở thông lệ quốc tế. Cùng với đó, cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp với các Hội nghề nghiệp trong nước, quốc tế xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ KTVNB, kiểm soát viên nội bộ. Cùng với việc tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho KTNB, công tác thông tin tuyên truyền cần được đẩy mạnh nhằm giúp các đơn vị nâng cao nhận thức về vai trò của KTNB, nhận thấy rõ sự cần thiết phải xây dựng hệ thống KTNB hướng tới quản trị rủi ro và coi quản trị rủi ro là vấn đề ưu tiên trong quá trình thiết kế hệ thống KTNB của DN.

Thứ hai, các DNKDBĐS cần nâng cao trình độ, chuyên môn cho KTVNB: để duy trì và phát triển các KTVNB, bắt kịp với những thay đổi của môi trường kinh doanh và chính sách tài chính kế toán, KTVNB phải tích cực rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm, các DNKDBĐS cần phối hợp bố trí cho tất cả các KTVNB được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức mới và có tính ứng dụng cao tại đơn vị. Ngoài ra, các DN cần khuyến khích KTVNB thi các chứng chỉ kiểm toán. Để có được các chứng chỉ đó, các KTVNB phải trang bị một kiến thức nền tảng chắc chắn. Khi các KTVNB có những chứng chỉ trên sẽ tạo cho họ có mối liên hệ chặt chẽ với các tổ chức nghề nghiệp, tạo cho họ điều kiện luôn cập nhật kiến thức và thực hiện công việc của mình theo những chuẩn mực tốt nhất.

Thứ ba, các DNKDBĐS cần tăng cường áp dụng công nghệ thông tin cho hoạt động KTNB: Để tăng hiệu quả của KTNB và giảm chi phí, các nhà lãnh đạo DN cần có chính sách đầu tư các thiết bị công nghệ thông tin, trang bị hệ thống phần mềm KTNB, mở các lớp tập huấn phần mềm cho KTVNB. DN cần thiết lập bộ phận QLRR để thực hiện việc xác định, đánh giá và giải pháp ngăn chặn rủi ro trong các bộ phận, nghiệp vụ toàn DN. Song song với việc thành lập bộ phận QLRR, các DN cũng cần xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động của bộ phận QLRR cũng như xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá rủi ro.

Thứ tư, thay đổi nhận thức của nhà quản trị về KTNB và QLRR. Để KTVNB có thể thực hiện phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong các DNKDBĐS cần thay đổi nhận thức của nhà quản trị về QLRR. QLRR tại các DNKDBĐS nên được thực hiện như một chức năng xuyên suốt quá trình hoạt động của tất cả các bộ phận trong đơn vị, không chỉ tồn tại độc lập trong một phòng ban hay bộ phận. Chức năng này cần được thực hiện chuyên trách bởi các cán bộ QLRR trong mỗi bộ phận, có mức độ hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của bộ phận, nắm được các mục tiêu, các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của đơn vị cũng như kiểm soát nội bộ cần áp dụng để giảm thiểu các rủi ro theo yêu cầu quản trị. Việc đánh giá rủi ro sẽ đảm bảo tính khách quan và sát thực, giúp cho bộ phận KTNB áp dụng thực hiện phương pháp KTNB dựa trên rủi ro và nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm toán.

Thứ năm, các DNKDBĐS cần sớm xây dựng và hoàn thiện quy chế KTNB: Hiện nay, quy chế KTNB của các DNKDBĐS nhiều chỗ còn sơ sài và chưa phù hợp với tình hình hoạt động SXKD hiện

tại của DN và tình hình phát triển của KTNB trên thế giới. Do đó, các DNKDBĐS cần sớm xây dựng và hoàn thiện quy chế KTNB phù hợp để làm căn cứ cho hoạt động KTNB.◆

Tài liệu tham khảo:

1. Coderre.D. (2005), *GTAG 3 - Continuous auditing implications for assurance, monitoring and risk assessment*, 1st ed, Altammte Springs, Floria, IIA.

2. Deloitte và SCIC (2015), *Sổ tay hướng dẫn về quản trị rủi ro áp dụng cho các công ty thành viên của SCIC*, Hà Nội.

3. Griffths. D. (2006), *Risk based internal auditing - An Introduction*, www.internalaudit.biz, truy cập ngày 12/10/2020.

4. IIA (2002), *Standards for the Professional Practice of Internal Auditing, The Institute of Internal Auditors*, Altamonte Springs, http://www.theiia.org, truy cập ngày 20/10/2020.

5. IIA (2016), *International Professional Practice Framework (IPPF)*, hhtp://.www.theiia.org, 20/5/2017.

6. Jenny. G.S. and Pamela.K (2006), *Relation between external audit fees, audit committee characteristics and internal audit*, Accounting and Finance, 2006, vol. 46, issue 3, 387-404.

7. Liu.J (2012), *The Enterprise Risk Management and the Risk Oriented Internal Audit*, Business, Vol. 4 No. 3, 2012, pp. 287-292. doi: 10.4236/ib.2012.43036.

8. KPMG (2017), *Báo cáo khảo sát về ngành nghề tổ chức KTNB tại Việt Nam,* Hà Nội.

9. Miller.K (2014), *The Effectiveness Internal Auditing has to Help Improving Companies*, Honors Theses. 2436. https://scholarworks.wmich.edu/honors_theses/2436.

10. Nguyễn Thị Hồng Thúy (2010), *Tổ chức KTNB trong các tập đoàn Kinh tế Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Kinh tế, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

11. Phan Trung Kiên (2014), *Đo lường việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp: Nghiên cứu kiểm toán nội bộ của các tổng công ty xây dựng Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế & phát triển, số 204, tháng 7/2014.

12. Rezaee, Z. , Riley, R. (2010), *Financial Statement Fraud: Prevention and Detection,* Second edition, Second edition, John Wiley & Sons, Inc., New Jersey.

13. Trần Thị Lan Hương (2020), *Tổ chức kiểm toán nội bộ trong các công ty xi măng Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.

14. Trần Văn Hồng (2020), *Vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro trong kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Kiểm toán Nhà nước.

15. Trần Thị Hồng Mai (2009), *Đánh giá rủi ro trong kiểm toán nội giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu hoạt động*, Tạp chí Kiểm toán, số 8, Tr.17-19.

16. Sarrens.G. (2009), I*nternal auditing research: Where are we going?*, International Journal of Auditing 13(1), DOI: 10.1111/j.1099-1123.2008.00387.x

17. Vũ Thùy Linh (2014), *Hoàn thiện tổ chức bộ máy và quy trình kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt nam,* Luận án Tiến sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.

18. Yu Tzu.C.,Hanchung C.,Rainbow K.C, and Wuchun C.,(2019), *The impact of internal audit attributes on effectiveness of internal control over operations and compliance*, Journal of comtemporary Accounting and Economics, 15,pp.10-19

Summary

The approach of audit in general as well as Internal Audit (IA) in particular has gradually changed from a systematic approach, compliance to a risk-based audit to add value and effectiveness results for enterprise. Through the risk-based audit approach, IA is always considered the "eye and eye" of enterprise management, helping the executive managers to better control operations and risk management (RM), thus, it also improves reputation, brand, increases the confidence of shareholders, investors, partners and authorities about the governance system of the organization. Therefore, the purpose of this study is to evaluate the applicability of the risk-based audit approach in IA in the real estate firms in Vietnam and suggest some appropriate recommendations to encourage and guide the application of risk-based audit approach in IA.